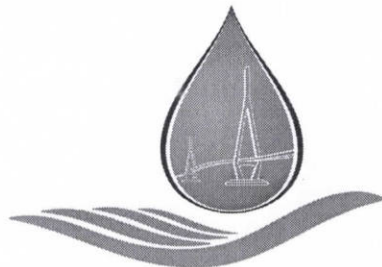
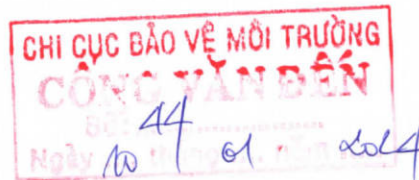


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ



CANTHOWASSCO



**BÁO CÁO GIÁM SÁT
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY NƯỚC HÙNG PHÚ**

Khu vực Thạnh Hòa, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ

NĂM 2023

Thời gian: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cần Thơ, tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất: Nhà máy nước Hưng Phú trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

- Địa chỉ: Khu vực Thạnh Hoà, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP Cần Thơ.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Tùng Nguyên.

- Điện thoại: 02923 810 188; Fax: 02923 810 188. E-mail: ctncantho@gmail.com

- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất nước sinh hoạt.

- Giấy phép đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 1800155244, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

- Giấy xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường số: 10/GXN-PTNMT, ngày cấp 23 tháng 12 năm 2009, do phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cái Răng cấp.

- Khối lượng sản phẩm: 12.966 m³/ngày đêm năm 2022;

11.273 m³/ngày đêm năm 2023.

- Điện tiêu thụ: (205 w/m³ năm 2022) (199 w/m³ năm 2023).

- Hoá chất tiêu thụ: PAC (10,3 g/m³ năm 2022) (6,9 g/m³ năm 2023);

Clo (2 g/m³ năm 2022) (1,8 g/m³ năm 2023).

Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Liệt kê các công trình xử lý nước thải: 01 bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 730 m³ (2m³/ngày đêm) năm 2022;

730 m³ (2m³/ngày đêm) năm 2023.

- Tổng lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh trong năm báo cáo:

Năm 2022 dưới 05m³/giờ/03 ngày đêm (302,5 m³/năm);

Năm 2023 dưới 05m³/giờ/03 ngày đêm (200,8 m³/năm).

Lưu lượng tối đa được cấp phép xả thải: (05m³/giờ/03 ngày đêm) 605 m³/năm.



1.2. Kết quả quan trắc nước thải

Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

- Thời gian quan trắc: 14/03/2023 – 21/6/2023 – 19/9/2023 – 14/12/2023
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc: Tại cống xả thải sau hệ thống xử lý nước thải.
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Công nghệ NHONHO (VILAS 694).
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 04 mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý. Không có chỉ tiêu vượt (đính kèm kết quả).

2. Về công trình bảo vệ môi trường với khí thải

Nhà máy không phát sinh khí thải.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Số lượng (kg/năm)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Rác sinh hoạt	262	Đốt trong khuôn viên nhà máy	262

Thông kê CTCNTT:

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (m ³ /năm)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
01	Bùn thải đã được phân định là CTCNTT	1.900	Bơm lấp nhưng chổ trũng trong khuôn viên nhà máy	0

Sức chứa bùn trong hồ khá lớn nên vẫn còn lưu giữ trong hồ.

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg/năm)
Bóng đèn	16 01 06	0	-	-	20
Giẻ lau	18 02 01	0	-		10
Tổng số lượng		0	-		30

Trong năm 2022 Công ty đã thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hết CTNH, năm 2023 chưa phát sinh CTNH.



5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải phát sinh tại Nhà máy nước Hưng Phú, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Cần Thơ có những phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường như sau:

- Khu vực phát sinh nước thải được thiết kế, lắp đặt cống thu gom riêng biệt, dẫn về công trình xử lý nước thải, nhằm đảm bảo thu gom lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy.

- Phân công công nhân trực vận hành công trình xử lý nước thải, bất kỳ có biểu hiện bất thường nào của công trình xử lý nước thải đều được phát hiện, khắc phục kịp thời.

- Khi có sự cố môi trường xảy ra nhà máy có bố trí người phụ trách để đảm bảo an toàn cho người và tài sản, kịp thời thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước nhanh nhất.

- Trong quá trình hoạt động của nhà máy định kỳ tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau xử lý và nước mặt sông Hậu nơi tiếp nhận nước thải tại Nhà máy nước Hưng Phú để kiểm soát, ngăn ngừa các chỉ tiêu ô nhiễm bị vượt và báo cáo về cơ quan quản lý Nhà nước.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường: Trong năm không xảy ra sự cố môi trường.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT TPCT;
- UBND quận Cái Răng;
- Lưu: HC, Phòng QLCL&MT.



Huỳnh Thiện Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

☺ Số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
☎ (0292) 382 1711 - 381 0188 ✉ ctncantho@gmail.com 🌐 www.ctn-cantho.com.vn

Số: 10/GXN-PTNMT

Cái Răng, ngày 23 tháng 12 năm 2009

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐÃ ĐƯỢC XÁC NHẬN của “Nhà máy nước Hưng Phú”

QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN:

Điều 1. Nhà máy nước Hưng Phú đã thực hiện đầy đủ các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận tại Văn bản số 01/GXN-P.TN&MT ngày 04 tháng 5 năm 2009 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cái Răng về việc xác nhận đề án bảo vệ môi trường của “Nhà máy nước Hưng Phú”.

Điều 2. “Nhà máy nước Hưng Phú” có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, quan trắc tác động môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận trong quá trình hoạt động. Lập nhật ký theo dõi vận hành đối với các công trình xử lý chất thải, bao gồm các thông số: chi phí điện năng, hóa chất, vật tư và những biến động bất thường xảy ra, xuất trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi có yêu cầu. Nếu trong quá trình hoạt động Nhà máy nước Hưng Phú phát sinh chất thải nguy hại thì phải lập hồ sơ quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời khi có bất kỳ sự cố môi trường hay trực trặc nào xảy ra và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để chỉ đạo và hỗ trợ.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- UBND quận (để báo cáo);
- Chủ Nhà máy nước Hưng Phú;
- Lưu Vp.



QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Bảo

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 90/STNMT-CCBVMT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2010

SỞ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 92.000139.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH cấp thoát nước Cần Thơ.
Địa chỉ văn phòng: số 2A đường Nguyễn Trãi, P. An Hội, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Tên cơ sở phát sinh CTNH: Xí nghiệp cấp nước Hưng Phú.
Địa chỉ: khu vực Thạnh Hòa, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ.
Điện thoại: 07103.837565. Fax: 07103.824092.
Tài khoản số: 102010000285216; tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương VN.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5704000008; ngày cấp: 11/12/2007; nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ.
Loại hình cơ sở: Công ty TNHH một thành viên (chuyển đổi từ DNNN).
Tên người liên hệ: Nguyễn Văn Quân.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty TNHH cấp thoát nước Cần Thơ đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (Phụ lục I kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục II kèm theo).

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sở đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh theo quy định tại điểm 1.7 Mục 1 Phần III hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm 1.16 Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nguyễn Văn Quân

- Công ty TNHH cấp thoát nước Cần Thơ;
- Lưu: VP, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Thế
NGUYỄN MINH THẾ



SỞ
CÔI
CỒ
ÁP TH
CÃ
KH

TỈNH/THÀNH PHO

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

BÌNH DƯƠNG

Số: 17439 /2022/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274.365.3076

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, Bình Dương

ĐT: 0274.365.3076

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): CẤP THOÁT NƯỚC

Địa chỉ văn phòng: Số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

ĐT: 02923. 821 710

Địa chỉ cơ sở: Nhà máy nước Hưng Phú. Khu vực Thạnh Hòa, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ.

ĐT: 02923. 824 092

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	20	TĐ
2	Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	10	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61N-54.66

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/ Đơn vị vận chuyển: Trần Quang Hoa Ký: Ngày 13 / 12 / 2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:/...../2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) ngày 13 tháng 12 năm 2022

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Dương, Ngày 13 tháng 12 năm 2022



 Người ký:
 Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc
 Huỳnh Chiện Đình



 Người ký:
 Chức vụ: Trưởng Ban ISO
 Tạ Đức Nhân

@Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

Ghi chú: ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 65 /STNMT-CCBVMT
V/v ý kiến xử lý bùn thải trong quá trình

Cần Thơ, ngày 08 tháng 01 năm 2019

TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Số:
Ngày: 4.8/3/2019
Chuyển:

xử lý nước cấp.

Kính gửi: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Xét Công văn số 550/CTN ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ về việc xin ý kiến xử lý bùn thải trong quá trình xử lý nước cấp.

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Công ty đã phân định bùn thải là chất thải thông thường theo khoản 2, điều 7 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 (quy định “chủ nguồn thải chất thải nguy hại tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại phải báo cáo và quản lý”).

- Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường (được quy định tại điều 30 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015) như sau:

+ Thực hiện trách nhiệm phân định, phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

+ Tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng hoặc ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Định kỳ báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong báo cáo giám sát môi trường định kỳ.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Chí Kiên

Số: 15 /GP-UBND

Cần Thơ, ngày 11 tháng 5 năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Gia hạn lần thứ 1/điều chỉnh lần thứ 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ngày 12 tháng 3 năm 2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1325/TTr-STNMT ngày 27 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho phép Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, địa chỉ tại số 02A, Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Hậu.
2. Vị trí xả nước thải:
 - a) Địa chỉ công trình: Nhà máy nước Hưng Phú, khu vực Thạnh Hòa, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
 - b) Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰): X:1107952, Y: 587670.
3. Phương thức xả nước thải: theo phương thức bơm kết hợp tự chảy.
4. Chế độ xả nước thải: 03 ngày/lần.
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05m³/giờ/03ngày-đêm.



6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=1.2$, $K_f=1.2$), Cụ thể như sau:

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm chính (C_{max}) trong nước thải khi thải ra nguồn nước tiếp nhận nước thải:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ (C_{max})
1	pH	-	6-9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	72
3	BOD ₅ (20 ^{0C})	mg/l	43,2
4	COD	mg/l	108
5	Sunfua	mg/l	0,3
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	7,2
7	Tổng nitơ	mg/l	28,8
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,76
9	Coliform	MPN/100ml	3.000

Ngoài các thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải ở bảng trên, các thông số ô nhiễm khác áp dụng theo quy định hiện hành.

7. Thời hạn của Giấy phép là 03 (ba) năm, kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

a) Quan trắc chất lượng nước thải:

- Vị trí quan trắc: tại vị trí xả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

- Thông số quan trắc: các thông số được nêu tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=1.2$, $K_f=1.2$).

b) Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc: tại vị trí tiếp nhận nước thải.

- Thông số quan trắc: các thông số theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép phải thực hiện lắp đặt và duy trì thiết bị đo lưu lượng xả nước thải, đảm bảo thiết bị đo lưu

lượng hoạt động tốt, đo chính xác lưu lượng xả thải khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt theo quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động xả nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, số lượng nước và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

7. Báo cáo hoạt động xả thải vào nguồn nước gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT).

Điều 3. Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 53/GP-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định. /mm

Nơi nhận:

- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục thuế thành phố;
- UBND, Phòng TNMT quận Cái Răng;
- Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- Lưu: VT.VK



Dương Tấn Hiến

52/19
C. TY
T. AN
T. NUOC
T. HO
P. CA

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.07

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố
Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

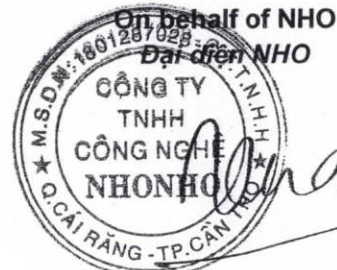
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121514046
Information provided by applicant : NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC HƯNG PHÚ
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai thủy tinh và can nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/03/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/03/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 22/03/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHỊ



HOÀNG BÁ NGHỊ

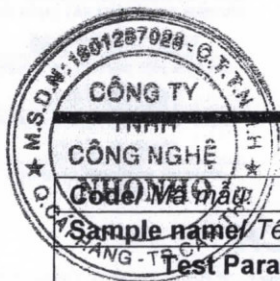
NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

- Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.07



YC121514046/2

Code/ Mã mẫu: **NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ NHÀ MÁY NƯỚC HƯNG PHÚ**

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(s)	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	8.68 < LOQ(25)
Sulfua (S ²⁻) ^(s)	SMEWW 4500 S2-B&D : 2017	mg/L	0.015	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(s)	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng Nito ^(s)	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Chất rắn lơ lửng (TSS) ^(s)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	12.3
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^(s)	SMEWW 5210-B : 2017	mg/L	1.30	6.08
Phospho tổng ^(s)	SMEWW 4500-P B&E : 2017	mg/L	0.020	0.058 < LOQ (0.060)
Định lượng Coliforms ^(s)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2 MPN/100ml	<2
pH ^(s)	TCVN 6492:2011	/	-	7.20

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

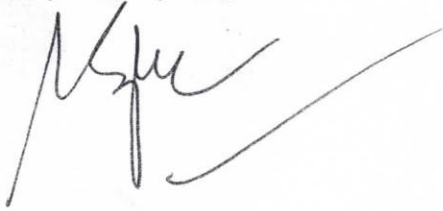
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC121821033
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh kín nguyên vẹn; Mẫu kiểm hóa lý được chứa trong can nhựa kín nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 21/06/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 21/06/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 21/06/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 27/06/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (6) Test parameter by Ho Chi Minh City branch / Chỉ tiêu thực hiện ở chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG BÁ NGHỊ

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- MekongLAB Can Tho office 1: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Can Tho office 2: Area 6, Hung Thanh ward, Cai Rang district, Can Tho city.
- Thai Nguyen office: 07 Thong Nhat street, Thai Nguyen city, Thai Nguyen province.

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- MekongLAB HCM office 1: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city
- HCM office 2: BE 19, street 12, Phong Phu 4 KDC, Binh Chanh district, HCM city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

Code/ Mã mẫu: YC121821033/2				
Sample name/ Tên mẫu: Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽⁵⁾	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	37.4
pH ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-H+B: 2017	/	/	7.53
Sulfua (S ₂ ⁻) ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ .B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽⁵⁾	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng Nitơ ⁽⁵⁾	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽⁵⁾	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	21.0
BOD ₅ ⁽⁵⁾	SMEWW 5210-B : 2017	mg/L	1.30	26.6
Phospho tổng ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliforms ⁽⁵⁾	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	2 MPN/100ml	<2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

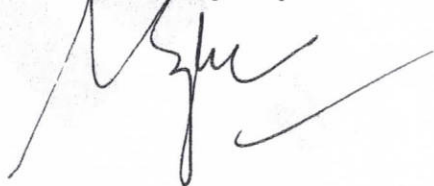
II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC122120061
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú HP
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong chai thủy tinh kín nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 19/09/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2023
Report date (Ngày trả kết quả) : 26/09/2023

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (6) Test parameter by Ho Chi Minh City branch / Chỉ tiêu thực hiện ở chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
- (7) Results are provided from field measurement records / Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected / Không phát hiện D: Detected / Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample / Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection / Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation / Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted / Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



HOANG BÁ NGHI

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com
Page/ Trang: 1 / 2



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.09

Code/ Mã mẫu: YC122120061/2				
Sample name/ Tên mẫu: Nước thải sau xử lý				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú HP				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(s)	SMEWW 5210B : 2017	mg/L	1.30	1.35 < LOQ (3.00)
Tổng P ^(s)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	0.053 < LOQ (0.060)
Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(s)	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	ND
Tổng Nito ^(s)	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(s)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(s)	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
H ₂ S (tính từ Sulfua) ^(s)	SMEWW 4500 S2-.B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Định lượng Coliforms ^(s)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	02 MPN/ 100mL	<2
pH ^(s)	SMEWW 4500-H+.B:2017	/	/	7.90

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.01

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Address (Địa chỉ) : Số 2A, Nguyễn Trãi, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202300046
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC122414084
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh được chứa trong chai thủy tinh; kiểm hóa lý được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 14/12/2023
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/12/2023
Sample tested on (Ngày phân tích) : 15/12/2023

Code/ Mã mẫu:		YC122414084/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước thải sau xử lý		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		(NT02) Nước thải sau xử lý Nhà máy nước Hưng Phú (X:1107952 – Y:587670)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(S)	SMEWW 5220-D : 2017	mg/L	8.30	11.8 < LOQ(25)
Sulfua (S ₂ ⁻) ^(S)	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ .B&D:2017	mg/L	0.015	ND
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 5988:1995	mg/L	0.500	ND
Tổng Nitơ ^(S)	TCVN 6638: 2000	mg/L	3.00	ND
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	19.3
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^(S)	SMEWW 5210B : 2017	mg/L	1.30	6.27
Tổng P ^(S)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliforms ^(S)	TCVN 8775:2011	Vi khuẩn/100ml	01 Vi khuẩn/100ml	<1
pH ^{(S)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.28

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Page 1 of 1 | Email: info@nhovn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.01

Note / Ghi chú:

- Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:/ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số...
- Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Results are provided from field measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

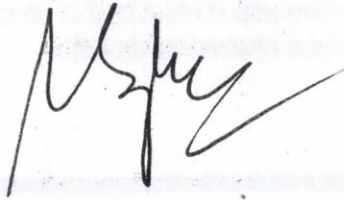
Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 21/12/2023

On behalf of NHO

Đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ



HOÀNG BÁ NGHỊ